

Công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài dù đã hết thời hiệu yêu cầu tại Hoa Kỳ: Nhìn từ thực tiễn xét xử vụ Seetransport Wiking V. Navimpex Centrala

Lê Nguyễn Gia Thiện

Tóm tắt—Trong hầu hết các trường hợp, phán quyết trọng tài sau khi được hội đồng trọng tài thông qua sẽ được các bên thi hành một cách tự nguyện. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ của mình theo phán quyết trọng tài thì bên được thi hành có quyền mang phán quyết này đến tòa án của một quốc gia khác để yêu cầu công nhận và cho thi hành. Tòa án quốc gia nơi được yêu cầu, sau khi xem xét nội dung của phán quyết cũng như các chứng cứ kèm theo, có thể công nhận và cho thi hành phán quyết này, miễn là phán quyết không vượt quá thời hiệu theo pháp luật của nơi công nhận. Tuy nhiên, theo pháp luật Hoa Kỳ, bên được thi hành có thể thêm một tố quyền nữa, gọi là quyền yêu cầu "công nhận kép". Đối với quyền công nhận kép này, bên được thi hành trước hết sẽ yêu cầu tòa án nơi phán quyết trọng tài được ban hành công nhận hiệu lực của phán quyết, sau đó mới mang quyết định công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài sang tòa án của một quốc gia khác để cậy nhờ tòa án quốc gia này công nhận và cho thi hành quyết định của tòa án. Vụ việc Seetransport v. Navimpex vốn được xem là điển hình về vấn đề công nhận kép là ví dụ cụ thể và sinh động nhất của pháp luật Hoa Kỳ về vấn đề này 1958.

Từ khóa—Phán quyết trọng tài nước ngoài, công nhận và cho thi hành, công nhận kép, thời hiệu, Công ước New York.

1 GIỚI THIỆU CHUNG

Tổ tụng trọng tài là một quy trình tố tụng kéo dài và phức tạp, kết thúc bằng việc hội đồng trọng tài¹ sẽ ban hành một quyết định cuối cùng,

mang tính chung thẩm và có hiệu lực pháp luật ngang với bản án của tòa án, gọi là phán quyết trọng tài². Phán quyết trọng tài nêu rõ quyền và nghĩa vụ của các bên trong tố tụng trọng tài, đồng thời có thể ấn định rõ thời điểm mà phán quyết có hiệu lực³. Thực tiễn của trọng tài thương mại quốc tế chứng minh rằng, hầu hết các trường hợp, bên phải thi hành⁴ sẽ tự nguyện thực hiện các nghĩa vụ của mình được nêu ra trong phán quyết trọng tài [2]. Tuy nhiên, không phải lúc nào mọi việc cũng suôn sẻ đối với bên được thi hành, vì trên thực tế

¹ Hội đồng trọng tài chính là cơ quan tài phán đứng ra thụ lý và giải quyết tranh chấp của các bên. Thuật ngữ "hội đồng" thường được sử dụng khi cơ quan này bao gồm 3 trọng tài viên, còn trong trường hợp tranh chấp chỉ được giải quyết bởi một trọng tài viên thì thuật ngữ hội đồng trọng tài ít được sử dụng. Về số lượng trọng tài viên trong hội đồng trọng tài, xem: Lê Nguyễn Gia Thiện, *Số lượng trọng tài viên trong Hội đồng trọng tài – nhìn từ góc độ luật học so sánh*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 15, tháng 8/2012.

² Khi soạn thảo Luật trọng tài thương mại 2010, có nhiều quan điểm khác nhau về ý niệm của thuật ngữ "phán quyết trọng tài". Một số học giả cho rằng cần bảo lưu khái niệm "quyết định trọng tài" như được quy định trong Pháp lệnh Trọng tài thương mại 2003, trong khi hầu hết học giả nhận định rằng "phán quyết trọng tài" là một hình thức đặc biệt của quyết định trọng tài vì nó không chỉ quy định về cơ cấu quyền và nghĩa vụ của các bên mà còn mang tính chung thẩm và góp phần kết thúc tố tụng.

³ Hầu hết các phán quyết trọng tài có hiệu lực thi hành ngay sau khi được hội đồng trọng tài thông qua. Tuy nhiên, trong trường hợp trọng tài thường trực, sau khi phán quyết được các trọng tài viên ký tên thông qua, phán quyết phải được gửi về cho trung tâm trọng tài để ban thư ký của trung tâm xem xét các lỗi chính tả, đánh máy hoặc các sai sót về mặt hình thức khác, rồi sau đó mới được ban hành chính thức và gửi cho các bên trong tranh chấp.

⁴ Chúng tôi sử dụng thuật ngữ "bên phải thi hành" và "bên được thi hành", chứ không phải là "bên có quyền" và "bên có nghĩa vụ" cho phù hợp với thông lệ quốc tế vì phán quyết trọng tài, nhất là khi có nhiều bên cùng đóng vai trò là nguyên đơn và bị đơn, có thể quy định rằng một bên vừa có quyền yêu cầu bên khác phải thực hiện nghĩa vụ cho mình, đồng thời bản thân bên này cũng phải thực hiện nghĩa vụ cho một bên khác.

Bài nhận ngày 07 tháng 10 năm 2016, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 15 tháng 11 năm 2016.

Tác giả Lê Nguyễn Gia Thiện công tác tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM (email: thienlmg@uel.edu.vn).

có rất nhiều trường hợp bên phải thi hành không chịu thực hiện nghĩa vụ của mình, nhất là trong trường hợp của phán quyết trọng tài nước ngoài. Đối mặt với tình huống bất lợi này, bên được thi hành có thể mang phán quyết trọng tài nước ngoài đến một tòa án để yêu cầu tòa án này công nhận và cho thi hành⁵. Khả năng được công nhận và cho thi hành một phán quyết trọng tài nước ngoài phụ thuộc rất lớn vào thời hiệu yêu cầu mà bên được thi hành được phép tiến hành. Thời hiệu này được xác định theo pháp luật của quốc gia nơi mà bên được thi hành muốn công nhận và cho thi hành. Hết thời hiệu yêu cầu này, bên được thi hành đương nhiên mất quyền yêu cầu tại quốc gia đó. Thế nhưng, pháp luật Hoa Kỳ vẫn có một giải pháp giúp cho bên được thi hành có thể tiến hành quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài dù đã hết thời hiệu yêu cầu. Khái lược về vấn đề thời hiệu yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài dù đã hết thời hiệu, nhìn từ thực tiễn xét xử của Hoa Kỳ, sẽ được trình bày và phân tích cụ thể qua vụ việc Seetransport Wiking v. Navimpex Centrala.

2 TÓM TẮT VỤ VIỆC SEETRANSPORT WIKING V. NAVIMPEX CENTRALA

Ngày 26/1/1980, Seetransport Wiking là một công ty vận tải của Đức (Seetransport) ký một hợp đồng với Navimpex Centrala (Navimpex) (một công ty đóng tàu thuộc sở hữu nhà nước của Rumani, có văn phòng thương mại tại Mahattan, New York, Hoa Kỳ), theo đó Navimpex đồng ý đóng cho Seetransport một chiếc tàu cỡ lớn trong khoảng thời gian từ tháng 11 hoặc 12/1980 đến tháng 2 hoặc 3/1982. Tuy nhiên, do hợp đồng không được thực hiện, nên các bên đã mang nhau ra trước Tòa trọng tài quốc tế Paris thuộc Phòng thương mại quốc tế tại Paris (Tòa trọng tài ICC)⁶

⁵ Công ước New York 1958 là tên gọi phổ biến của "Công ước Liên Hiệp Quốc về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài", được Liên Hiệp Quốc thông qua tại New York ngày 10/6/1958 và từ có hiệu lực ngày 7/6/1959. Tính đến mùa thu 2016, đã có 156 quốc gia và vùng lãnh thổ gia nhập Công ước này. Phạm vi mà Công ước điều chỉnh bao gồm cả hai vấn đề là công nhận và cho thi hành. Trên thực tế, không hiếm trường hợp bên được thi hành chỉ yêu cầu tòa án công nhận mà không yêu cầu cho thi hành, điều này nhằm ngăn chặn việc bên phải thi hành khởi sự một vụ kiện mới tại chính tòa án được yêu cầu, hoặc các tòa án khác trong chính nền pháp chế mà tòa án đó tồn tại.

⁶ Dù mang tên gọi là Tòa trọng tài quốc tế, nhưng thực chất đây là một tổ chức phi chính phủ, có chức năng cung cấp dịch vụ giải quyết tranh chấp thương mại. Nó không phải là cơ quan tư pháp thuộc bất cứ quốc gia nào. Hơn nữa, bản thân tòa trọng tài không ra phán quyết trọng tài, vì phán quyết được

căn cứ vào Điều XIII trong hợp đồng mua bán giữa hai bên.

Tòa trọng tài ICC đã ban hành hai phán quyết (phán quyết tạm thời⁷ ngày 2/11/1983 và phán quyết toàn phần ngày 26/3/1984) tuyên rằng bị đơn (Navimpex) phải trả 6 triệu Mark Đức và lãi suất 8%/năm tính từ 1/1/1981 cho nguyên đơn (Seetransport). Ngoài ra, mỗi bên chịu một nửa phí trọng tài. Seetransport đã thanh toán tất cả phí trọng tài nên Navimpex còn phải trả thêm cho Seetransport 36.000 USD (tương đương một nửa phí trọng tài).

Do không đồng ý với phán quyết của Tòa trọng tài ICC, bị đơn đã nộp đơn yêu cầu Tòa thượng thẩm Paris (Cour d'Appel de Paris) đề nghị hủy phán quyết này. Thế nhưng, Tòa thượng thẩm Paris đã từ chối hủy phán quyết, theo quyết định đề ngày 4/3/1986.

Tiếp đó, theo một quyết định của Hội đồng nhà nước Rumani đề ngày 26/6/1987, cơ quan này đã giải thể công ty Navimpex. Đến ngày 1/7/1987, tất cả các tài sản của Navimpex được chuyển giao cho một công ty mới thành lập có tên là Uzineexportimport (Uz). Vấn đề giải thể Navimpex và việc chuyển giao tài sản từ Navimpex sang Uz hoàn toàn không được thông báo cho Seetransport.

2.1 Tòa sơ thẩm liên bang tại New York xử sơ thẩm

Do không thấy Navimpex tự nguyện thực hiện nghĩa vụ của mình theo quyết định của Tòa thượng thẩm Paris, Seetransport đã nộp đơn đề nghị Tòa sơ thẩm liên bang tại Hạt phía Nam New

tuyên thông qua sự thẩm lượng và bàn bạc giữa các thành viên của hội đồng trọng tài theo sự lựa chọn của các bên. Tuy nhiên, để cho giản tiện, chúng tôi xin được trình bày ngắn gọn là Tòa trọng tài ICC ban hành phán quyết trọng tài.

⁷ Thực tiễn trọng tài thương mại quốc tế cho thấy, trong quá trình hội đồng trọng tài thụ lý và giải quyết vụ tranh chấp, hội đồng trọng tài thường ban hành 5 loại phán quyết: (1) phán quyết toàn phần (final award) giải quyết toàn bộ nội dung vụ tranh chấp đồng thời kết thúc quy trình tố tụng; (2) phán quyết từng phần (partial award) chỉ giải quyết một phần của vụ tranh chấp khi hội đồng trọng tài xét thấy các tài liệu, chứng cứ đã chín muồi cho việc ra một phán quyết, phán quyết này là chung thẩm và có thể được công nhận và cho thi hành hoàn toàn giống với phán quyết toàn phần; (3) phán quyết tạm thời (interim award) chủ yếu chứa đựng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, nhằm mục đích bảo toàn và tránh việc tiêu tán tài sản nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ của các bên; (4) phán quyết khuyết tịch (default award) được tuyên khi không có sự tham gia của ít nhất một bên trong tranh chấp và (5) phán quyết đồng thuận (agreed term award) được thiết lập dựa trên sự đồng thuận của các bên về một phần hoặc toàn bộ nội dung vụ tranh chấp, xem: Lew/Mistelis/Kröll, *Comparative International Commercial Arbitration*, Nxb. Kluwer Law International, tr. 632, 2003.

York (sau đây gọi tắt là Tòa sơ thẩm liên bang) (South District Court of New York - sau đây gọi tắt là Tòa sơ thẩm liên bang) công nhận và cho thi hành phán quyết của Tòa trọng tài ICC vào ngày 28/3/1988. Thư ký tòa án đã gửi thư triệu tập đến văn phòng thương mại của Navimpex tại New York. Do sau khi tiến hành tố tụng thì Seetransport mới được biết là Navimpex đã bị giải thể và các tài sản đã được chuyển cho Uz, nên nguyên đơn (Seetransport) đã bổ sung vào đơn yêu cầu, đề nghị tòa đưa thêm Uz vào với tư cách là đồng bị đơn với lý do Uz cũng là công ty thuộc sở hữu nhà nước và tất cả các tài sản của Navimpex đều được Uz kế thừa. Khi tham gia vào tố tụng, Uz đưa ra 4 khước biện nhằm phản tố yêu cầu của Seetransport, bao gồm: (1) tòa không có thẩm quyền, (2) quy trình gửi đơn không phù hợp, (3) Uz không thể là đồng bị đơn và (4) thời hiệu yêu cầu đã hết. Trong phán quyết của mình [9], đối mặt với 4 khước biện của Uz, tòa đã nhận định như sau:

(1) Theo Bộ quy tắc tố tụng dân sự Liên bang (Federal Rules of Civil Procedure), tòa sơ thẩm liên bang hoàn toàn có quyền giải quyết các vụ việc có yếu tố nước ngoài như vụ này⁸;

(2) Đưa Uz vào làm đồng bị đơn là hoàn toàn hợp lý vì Uz thừa nhận rằng mình đã kế thừa các tài sản của Navimpex thì đương nhiên cũng kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Navimpex trước đó; việc đổi tên không thể giúp Uz trốn tránh nghĩa vụ trả nợ được nêu ra trong phán quyết của Tòa trọng tài ICC.

(3) Việc tòa gửi đơn đã đảm bảo theo trình tự công bằng (due process)⁹ vì cả Hoa Kỳ, Pháp, Rumania và Đức đều là thành viên của Công ước New York 1958¹⁰; và lại theo tinh thần của Công

ước New York 1958 thì có không hiếm các trường hợp mà tòa án thụ lý đơn công nhận và cho thi hành tọa lạc tại nơi mà bên phải thi hành có hoạt động kinh doanh¹¹;

(4) Đối với vấn đề thời hiệu, tòa lập luận rằng theo Điều 207 của Luật trọng tài liên bang (Federal Arbitration Act - FAA)¹², bên được thi hành có thời hạn tối đa là 3 năm để yêu cầu công nhận và cho thi hành một phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Hoa Kỳ. Sau khi tham vấn ý kiến của chuyên gia (Michael Wolfer), tòa cho rằng theo luật của Pháp, phán quyết trọng tài của Tòa trọng tài ICC có hiệu lực từ khi Tòa thượng thẩm Paris ra quyết định không hủy (4/3/1986), chứ không phải là ngày Tòa trọng tài ICC ban hành phán quyết (26/3/1984). Seetransport có quyền nộp đơn yêu cầu đến tận ngày 4/3/1989, cho nên việc nộp đơn yêu cầu của Seetransport hoàn toàn nằm trong thời hiệu.

Cuối cùng, tòa quyết định công nhận và cho thi hành phán quyết của Tòa trọng tài ICC tại New York

2.2 *Tòa thượng thẩm liên bang Khu vực II xử phúc thẩm*

Do không đồng ý với quyết định sơ thẩm của Tòa sơ thẩm liên bang, Uz đã kháng cáo lên Tòa thượng thẩm liên bang Khu vực II (United States Court of Appeals for the Second Circuit - gọi tắt là Tòa thượng thẩm liên bang) (United States Court of Appeals for the Second Circuit) để đề nghị phúc thẩm lại quyết định công nhận và cho thi hành phán quyết của Tòa trọng tài ICC. Các khước biện mà Uz nêu ra khi yêu cầu phúc thẩm cũng tương tự như tại quy trình sơ thẩm (bao gồm: thẩm quyền của tòa, tư cách tố tụng của Uz) và tòa thượng thẩm cũng trả lời như tòa sơ thẩm, nên chúng tôi không đi vào phân tích sâu mà chỉ tập trung vào 2 vấn đề là hiệu lực của quyết định công nhận do Tòa thượng thẩm Paris ban hành (4/3/1986) và thời hiệu yêu cầu.

Đối với vấn đề hiệu lực của quyết định do Tòa thượng thẩm Paris ban hành, Uz lập luận rằng tại thời điểm đó Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) của Pháp¹³ quy định rằng phán quyết trọng tài

⁸ 28 U.S.C §1330, §1653 và §1605. Tòa cũng dẫn ra các án lệ nhằm củng cố nhận định về mặt thẩm quyền của mình, gồm Verlinden B.V. v. Central Bank of Nigeria, 461 U.S. 480, 103 S.Ct. 1962, 76 L.Ed.2d 81 (1983); S S Machinery Co. v. Masinexportimport, 706 F.2d 411 (2d Cir. 1983); United States Trust Co. v. New Jersey, 431 U.S. 1, 97 S.Ct. 1505, 52 L.Ed.2d 92 (1977) và Belasco v. W.K.P Wilson Sons, 833 F.2d 277, 282 (11th Cir. 1987).

⁹ Tòa cũng viện dẫn án lệ về trình tự công bằng Beacon Enterprises, Inc. v. Menzies, 715 F.2d 757, 762 (2d Cir 1983).

¹⁰ Pháp, Đức, Rumania và Hoa Kỳ gia nhập Công ước New York 1958 lần lượt vào các ngày 26/6/1959, 30/6/1961, 13/9/1961 và 30/9/1970. Việc Công ước New York 1958 được thông qua tại New York nhưng mãi đến tháng 9/1970 Hoa Kỳ mới tham gia tạo nên nhiều bất ngờ thú vị. Nguyên do của vấn đề này là tại thời điểm Công ước được thông qua, có nhiều luồng ý kiến cho rằng việc tham gia Công ước sẽ mang nhiều bất lợi đến cho nền pháp chế của Hoa Kỳ. Sau đó, dưới áp lực và sự vận động của các tổ chức đoàn thể mà nhất là Hiệp hội trọng tài Hoa Kỳ (American Arbitration Association) và Liên đoàn luật sư Hoa Kỳ (American Bar Association), cuối cùng

Hoa Kỳ cũng gia nhập Công ước, xem: : Levine, *United Nations Foreign Arbitral Awards Convention: United States Accession*, Cal. W. Int'l L.J., Vol. 2 1971, tr. 67-72.

¹¹ Theo thông lệ của trọng tài thương mại quốc tế, tòa án thụ lý đơn công nhận và cho thi hành thường là tòa án nơi bị đơn cư trú (nếu là cá nhân), hoặc nơi bị đơn có trụ sở chính (nếu là pháp nhân), hoặc nơi có tài sản hoặc nơi bị đơn tiến hành các hoạt động kinh doanh như vụ việc này.

¹² 9 U.S.C §207.

¹³ Điều 1477.

chưa thể thi hành ngay mà phải được Tòa sơ thẩm rộng quyền, nơi phán quyết trọng tài được tuyên, ra một lệnh tòa chấp nhận thi hành phán quyết này. Theo cơ cấu tổ chức của hệ thống tòa án Pháp thì Tòa sơ thẩm rộng quyền không phải là Tòa thượng thẩm Paris. Để bác nhận định của Uz, tòa đã phán rằng việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài sẽ theo quy định của luật liên bang (tức Luật trọng tài liên bang), nhưng việc công nhận và cho thi hành quyết định của tòa án nước ngoài thì phải tuân theo luật của tiểu bang. Điều 532 Luật và quy tắc tố tụng dân sự New York (New York Civil Practice Law and Rules) nói rằng bản án hoặc quyết định của tòa án nước ngoài sẽ có hiệu lực nếu là chung thẩm và có thể thi hành tại nơi ban hành, cho dù có bị kháng cáo và hoãn thi hành hay không. Hơn nữa, theo BLTTDS Pháp¹⁴, quyết định của Tòa thượng thẩm Paris về việc không hủy phán quyết trọng tài của Tòa trọng tài ICC có nghĩa là Tòa này đã công nhận hiệu lực pháp lý của phán quyết đó, điều này là không thể nghi ngờ¹⁵.

Về vấn đề thời điểm có hiệu lực của phán quyết trọng tài của Tòa trọng tài ICC, cả Uz và Seetransport đều tập trung tranh luận về nội hàm của thuật ngữ "made" theo Công ước New York. Uz khẳng định rằng "made" có nội hàm là "tuyên" phán quyết trọng tài, nghĩa là thời điểm có hiệu lực của phán quyết phải là khi phán quyết được Tòa trọng tài ICC tuyên (26/3/1984). Ngược lại, Seetransport lại diễn giải "made" là "có hiệu lực", vì thế thời điểm tính hiệu lực của phán quyết trọng tài phải là khi Tòa thượng thẩm Paris ra quyết định không hủy phán quyết này (4/3/1986). Tòa xét thấy tại thời điểm đó, Quy tắc tố tụng trọng tài của Tòa trọng tài ICC nói rằng phán quyết trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực thi hành ngay khi được các trọng tài viên ký tên vào phán quyết. Vì lẽ đó, phán quyết sẽ được tính là có hiệu lực từ ngày 26/3/1984, cho nên yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Tòa trọng tài trọng tài ICC (được xem là phán quyết trọng tài nước ngoài) tại New York đã hết thời hiệu 3 năm theo FAA nên tòa không thể chấp nhận được.

¹⁴ Điều 1490 và 1507.

¹⁵ Tại các nước common law nói chung, đặc biệt là Hoa Kỳ nói riêng, rất ủng hộ thuyết "không hủy tức là công nhận" đối với phán quyết của trọng tài, Tòa viện dẫn 2 án lệ để bổ túc cho quan điểm này của mình, xem: *Rosado v. Wyman*, 397 U.S. 397, 403 - 405, 9 S.Ct. 1207, 1213-14, 25. L.Ed.2d 442 (1970) và *Polaroid Prod., Inc. v. Lyorand Ross Bros. Montgomery* 534 F.2d 1012, 1018 (2d Cir. 1976).

Cuối cùng Tòa thượng thẩm liên bang đã hủy án sơ thẩm của Tòa sơ thẩm liên bang tại New York[10]. Thế nhưng, tòa này vẫn chưa một cơ hội cho Seetransport thực hiện quyền yêu cầu của mình là nếu Seetransport nộp đơn yêu cầu chính tòa này công nhận và cho thi hành quyết định của Tòa thượng thẩm Paris về việc công nhận phán quyết của Tòa trọng tài ICC thì hoàn toàn có thể.

2.3 *Tòa thượng thẩm liên bang Khu vực II công nhận và cho thi hành*

Tuy không thể công nhận và cho thi hành phán quyết của Tòa trọng tài ICC một cách trực tiếp tại New York, Seetransport phải đi một "con đường vòng", theo đó Seetransport đã yêu cầu Tòa thượng thẩm liên bang công nhận và cho thi hành quyết định của Tòa thượng thẩm Paris.

Tòa thượng thẩm liên bang đồng ý với Tòa sơ thẩm liên bang tại New York về nhận định rằng việc Tòa thượng thẩm Paris từ chối hủy phán quyết trọng tài do Tòa trọng tài ICC ban hành đồng nghĩa với việc tòa này đã công nhận hiệu lực của phán quyết. Mặt khác, quyết định của Tòa thượng thẩm Paris không hề bị hủy hay sửa đổi bởi bất cứ một quyết định nào khác nên hiệu lực của quyết định này là chắc chắn. Cho dù Uz đã lập luận rằng động thái chính của Seetransport là yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài của Tòa trọng tài ICC, chứ không phải là quyết định của Tòa thượng thẩm Paris, hơn nữa là chính Tòa thượng thẩm liên bang đã không đồng ý công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài này, nên việc tòa này công nhận và cho thi hành quyết định của Tòa thượng thẩm Paris là không phù hợp.

Để bác lập luận của Uz, Tòa thượng thẩm liên bang đã viện dẫn Điều 53 Luật và quy tắc tố tụng dân sự New York về khả năng công nhận và cho thi hành quyết định của Tòa thượng thẩm Paris. Hơn nữa, việc Seetransport dù đã không được chấp thuận khi đề nghị yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Tòa trọng tài ICC vẫn có quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định của Tòa thượng thẩm Paris là hoàn toàn hợp lý¹⁶, vì vốn dĩ tố quyền yêu cầu của Seetransport trong hai trường hợp này là hoàn toàn tách bạch và không thể phủ định lẫn nhau.

Sau khi tham vấn ý kiến của chuyên gia

¹⁶ Một quyết định của tòa án nước ngoài liên quan đến tài sản (foreign money judgment) hoàn toàn có khả năng được công nhận tại Hoa Kỳ, Tòa dẫn ra một án lệ để biện luận cho nhận định của mình, xem: *United States v. Salerno* F.2d 117, 121 (2d Cir. 1991).

Simone Rozes, nguyên Chánh án Tòa Phá án của Pháp (Cour de Cassation), Tòa thượng thẩm liên bang đã đồng ý công nhận và cho thi hành tại New York quyết định của Tòa thượng thẩm Paris về việc công nhận phán quyết của Tòa trọng tài ICC¹⁷.

3 MỘT SỐ PHÂN TÍCH VÀ BÌNH LUẬN

Vụ việc Seetransport v. Navimpex dù đã chính thức khép lại sau khi Tòa thượng thẩm liên bang công nhận và cho thi hành quyết định của Tòa thượng thẩm Paris vào năm 1993. Tính đến nay, đã hơn 20 năm từ khi vụ việc này kết thúc nhưng những giá trị và kinh nghiệm thực tiễn mà nó mang lại vẫn luôn vô cùng mới mẻ và bổ ích đối với cộng đồng trọng tài thương mại quốc tế. Tính từ khi hai bên ký hợp đồng mua bán tàu biển (26/1/1980) cho đến khi Tòa thượng thẩm liên bang đồng ý công nhận và cho thi hành quyết định của Tòa thượng thẩm Paris (25/5/1993), vụ Seetransport v. Navimpex đã diễn ra trong thời gian hơn 13 năm, trải qua 5 thủ tục tố tụng khác nhau từ tố tụng trọng tài tại Tòa trọng tài ICC ở Paris, đến thủ tục yêu cầu hủy phán quyết tại Tòa thượng thẩm Paris, rồi đến thủ tục công nhận và cho thi hành theo trình tự sơ thẩm tại Tòa sơ thẩm liên bang, cho đến trình tự phúc thẩm tại Tòa thượng thẩm liên bang và cuối cùng là thủ tục công nhận và cho thi hành quyết định của Tòa thượng thẩm Paris. 5 thủ tục tố tụng với các thẩm cấp và tính chất hoàn toàn khác biệt này bao hàm rất nhiều vấn đề pháp lý đa dạng và cũng không kém phần phức tạp. Tuy vậy, ý nghĩa lớn lao và sâu sắc từ vụ việc Seetransport v. Navimpex có thể được gói gọn trong vấn đề mà chúng tôi cho là nổi bật nhất, đó là vấn đề thời hiệu yêu cầu công nhận và cho thi hành.

Phán quyết trọng tài nước ngoài sau khi được hội đồng trọng tài thông qua sẽ có giá trị pháp lý ràng buộc các bên như là một bản án của tòa án. Tuy nhiên, hiệu lực của phán quyết trọng tài không phải là trường tồn, nó chỉ được dự liệu trong một khoảng thời gian nhất định, gọi là thời hiệu yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Thời hiệu này không được định nghĩa một cách chính thức trong bất kỳ văn bản luật nào, dù ở góc độ quốc gia hay quốc tế. Tuy nhiên, nếu xét về mặt nội hàm cũng như ý nghĩa của thời hiệu này thì có thể định nghĩa cơ bản như sau: "Thời hiệu yêu cầu công

nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài là khoảng thời gian tối đa mà pháp luật một nước cho phép một bên trong một phán quyết trọng tài nước ngoài nhất định được yêu cầu tòa án nước mình xem xét công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài đó". Phát xuất từ tính chất của thời hiệu này cũng như xem xét, đối chiếu với Công ước New York 1958 và pháp luật thực định của các nước, chúng tôi có một số nhận xét như sau:

3.1 Sự im lặng của Công ước New York

Công ước New York không đề cập đến vấn đề thời hiệu yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Điều III Công ước quy định: "Mỗi Quốc gia thành viên phải công nhận phán quyết trọng tài có giá trị ràng buộc và cho thi hành những phán quyết đó theo quy tắc tố tụng của lãnh thổ nơi phán quyết sẽ được thi hành...", hơn nữa Điều VII của Công ước cũng nói rằng: "Các quy định của Công ước này... không tước đi quyền của bất kỳ bên liên quan nào về việc bên đó sử dụng phán quyết trọng tài theo cách và giới hạn được luật pháp hoặc các điều ước của quốc gia nơi phán quyết sẽ được yêu cầu thi hành cho phép". Từ hai điều khoản này có thể thấy rõ rằng, Công ước New York hoàn toàn trao quyền quy định về trình tự, thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài cho các nước thành viên. Điều này là hoàn toàn hợp lý vì các nước thành viên, vốn dĩ xuất phát từ các truyền thống pháp luật, văn hóa pháp lý, tư duy lập pháp không giống nhau, cho nên việc thiết lập một quy trình chung cho việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài không những là không cần thiết mà thực tế là không thể. Vì lẽ này, vấn đề thời hiệu yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài cũng được thiết kế hoàn toàn theo quy định của pháp luật quốc gia.

Pháp luật của các nước common law và civil law quan niệm khác hẳn nhau về vấn đề thời hiệu nói chung, cũng như vấn đề thời hiệu yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài nói riêng. Các nước common law hoạch định vấn đề này trong các luật hình thức của mình, mà cụ thể là các đạo luật về thời hiệu^[4]. Ngược lại, các nước civil law lại dự liệu vấn đề này trong địa hạt của luật nội dung, mà hầu hết là nằm trong các bộ dân luật ^[5]. Thế nhưng, vẫn có một số ngoại lệ: (i) Hoa Kỳ là nước nằm trong hệ thống các nước common law, nhưng vấn đề thời hiệu này không được quy định trong các luật về thời hiệu, trái lại nó được thiết kế ngay

¹⁷ United States Court of Appeals, Second Circuit, 29 F.3d 79 (1994).

trong chính Luật trọng tài liên bang¹⁸. (ii) Trung Quốc và Việt Nam, dù là các nước theo hệ thống civil law nhưng lại quy định vấn đề thời hiệu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài trong chính bản thân các luật về tố tụng dân sự¹⁹, chứ không phải bộ dân luật²⁰.

3.2 *Mức độ của thời hiệu yêu cầu công nhận và cho thi hành*

Do thời hiệu yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài hoàn toàn phụ thuộc và quy định của quốc gia, nên mức độ của thời hiệu này cũng không giống nhau giữa các nước. Biên độ dao động của thời hiệu này rất lớn, từng có quốc gia chỉ dành cho các bên một thời hạn rất ngắn (6 tháng)²¹ để thực hiện yêu cầu công nhận và cho thi hành của mình, trong khi quốc gia khác cho bên yêu cầu một thời hạn lên đến 50 năm²². Tính chất dài ngắn của thời hiệu yêu cầu công nhận này ảnh hưởng rất hệ trọng đến quyền yêu cầu của các bên. Thời hiệu càng dài thì các bên càng có nhiều cơ hội để thực hiện quyền yêu cầu của mình, thế nhưng nếu thời hiệu quá dài cũng không hẳn là tốt vì bên được thi hành sẽ không thực sự quyết liệt yêu cầu, qua đó vô tình tạo cơ hội cho bên phải thi hành tẩu tán tài sản. Ngược lại, nếu thời hiệu quá ngắn, các bên không thể có đủ thời gian để thực hiện yêu cầu của mình. Thử hình dung một phán quyết sau khi được ban hành, các bên sẽ phải ngồi lại để thỏa thuận về cách thức thực hiện những quyền và nghĩa vụ được nêu trong phán quyết. Khi thỏa thuận không thành, bên được thi hành mới bắt đầu tiến hành yêu cầu công nhận và cho thi hành của mình. Nếu như bên phải thi hành có tài sản tại một nước nhưng trụ sở lại đặt ở một nước khác thì bên được thi hành sẽ có nhiều việc cần làm. Bên được thi hành sẽ tốn một khoảng thời gian để nghiên cứu liệu rằng mình nên nộp đơn ở tòa án nào thì sẽ hiệu quả nhất, vì nếu nghiên cứu không kỹ về quy

trình cũng như luật thực định sẽ dẫn đến kết quả là không những không được công nhận mà còn ảnh hưởng lên thời hiệu yêu cầu tại một nước khác. Trong trường hợp của Hoa Kỳ, thời hiệu 3 năm, theo chúng tôi, là hợp lý. Vì 3 năm đủ để bên được thi hành nghiên cứu, tìm hiểu và ra quyết định lựa chọn tòa án Hoa Kỳ nào mà các bên có thể cậy nhờ để yêu cầu công nhận và cho thi hành.

3.3 *Khả năng yêu cầu công nhận và cho thi hành tại nhiều nước*

Công ước New York, vốn được xây dựng trên tinh thần pro-arbitration, nên hết sức ủng hộ tòa án các nước thành viên thực hiện việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Vì thế, Công ước không đưa ra bất kỳ quy định nào nhằm hạn chế số lần mà một bên có thể mang phán quyết đến cậy nhờ tòa án công nhận và cho thi hành. Có thể suy ra rằng, một bên có quyền thực hiện việc yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài với số lượng không hạn chế tại nhiều quốc gia khác nhau²³. Dựa trên quan điểm pháp lý này, một bên trong phán quyết trọng tài nước ngoài có quyền yêu cầu tòa án một nước công nhận và cho thi hành phán quyết này dù rằng trước đó chính phán quyết này đã không được công nhận tại tòa án của một quốc gia khác. Việc này là hoàn toàn có thể miễn là yêu cầu vẫn còn trong thời hiệu theo pháp luật của nước có tòa án công nhận và cho thi hành.

3.4 *Vấn đề công nhận kép*

Công nhận kép phán quyết của trọng tài nước ngoài là việc tòa án một quốc gia công nhận một quyết định của tòa án thuộc quốc gia khác, mà quyết định này liên quan đến việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại chính quốc gia đó[8]. Về mặt bản chất, việc công nhận kép này là công nhận quyết định của tòa án nước ngoài, chứ không phải công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài, dù thực tế quyết định đó chứa đựng nội hàm là công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại nước đó. Chính vì đây là công nhận và cho thi hành quyết định của tòa án nước ngoài nên các

¹⁸ Điều 207 FAA, như đã phân tích trong các quyết định của Tòa sơ thẩm liên bang và Tòa thượng thẩm liên bang.

¹⁹ Điều 239 Luật tố tụng dân sự 2012 của Trung Quốc và Điều 451 BLTTDS 2015 của Việt Nam.

²⁰ Các quy định về thời hiệu trong các bộ dân luật của Việt Nam như BLDS 1995, BLDS 2005 và ngay cả BLDS 2015 cũng chỉ dành những quy định hết sức cơ bản cho vấn đề thời hiệu. Trường hợp của Trung Quốc lại khác, vì nước này không có bộ dân luật.

²¹ Như trường hợp của Trung Quốc trước đây, nước này chỉ cho các bên một thời hiệu là 6 tháng để yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài nếu không bên nào là cá nhân, còn nếu có ít nhất một bên là cá nhân thì thời hiệu được áp dụng là 1 năm. Tuy nhiên, hiện nay pháp luật Trung Quốc đã nâng thời hiệu này lên thành 2 năm để phù hợp với thông lệ quốc tế và tạo nhiều cơ hội hơn cho bên yêu cầu.

²² Điều 197(1)(2) Bộ dân luật Đức.

²³ Thực tiễn trọng tài thương mại quốc tế chứng minh rằng, một phán quyết trọng tài nước ngoài đã bị một tòa án A thuộc một quốc gia M từ chối công nhận và cho thi hành thì khó có khả năng được tòa án B của cùng quốc gia M này công nhận và cho thi hành. Dù rằng thẩm quyền tư pháp của các tòa án là độc lập nhau, nhưng theo nguyên lý "res judicata" của trọng tài thương mại quốc tế, chỉ cần bên đối phương trình ra quyết định không công nhận của tòa án A thì tòa án B cũng sẽ bác đơn yêu cầu của bên yêu cầu.

quy định của Công ước New York không thể được áp dụng.

Về mặt ý nghĩa, vấn đề công nhận kép mang đến nhiều sự thuận lợi hơn cho bên được thi hành vì nếu như trong trường hợp công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài theo lối truyền thống, bên được thi hành chỉ có một tổ quyền duy nhất là yêu cầu tòa án công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, thì trong trường hợp công nhận kép, bên được thi hành còn có thêm một tổ quyền nữa là quyền yêu cầu tòa án công nhận và cho thi hành quyết định của tòa án nước ngoài về việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài đó. Như trong vụ *Seetransport v. Navimpex*, có thể thấy rằng *Seetransport* đã thực hiện cả 2 tổ quyền của mình ở hai thẩm cấp tố tụng khác nhau là Tòa sơ thẩm liên bang và Tòa thượng thẩm liên bang. Cùng một phán quyết trọng tài do Tòa trọng tài ICC ban hành, cùng được một tòa xem xét và giải quyết (Tòa thượng thẩm liên bang), nhưng yêu cầu công nhận theo quy định của Công ước New York 1958 thì không được, ngược lại theo yêu cầu công nhận kép thì được chấp thuận.

Thực ra, tư tưởng về việc công nhận kép đã xuất hiện từ Công ước về thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài (Công ước Geneva 1927), vốn được xem là tiền thân của Công ước New York 1958. Theo đó, để công nhận và cho thi hành một phán quyết trọng tài tại một quốc gia thành viên khác với quốc gia nơi mà phán quyết trọng tài được ban hành, bên yêu cầu công nhận phải chứng minh rằng phán quyết này là chung thẩm (final)²⁴, tức là phán quyết phải được công nhận là có hiệu lực bởi tòa án của quốc gia nơi mà phán quyết trọng tài được tuyên. Điều này rõ ràng là tinh thần của việc công nhận kép. Tuy nhiên, Công ước New York khi được xây dựng đã hoàn toàn đoạn tuyệt với tinh thần này, thay vào đó tinh thần cốt yếu của Công ước New York là công nhận ngay phán quyết của trọng tài nước ngoài mà không cần qua thủ tục công nhận kép²⁵. Sự thay đổi này có ý nghĩa quan trọng và được hoan nghênh nhiệt liệt[1]. Chính vì sự cởi mở này mà Công ước New York đã thu hút được 156 nước thành viên và được xem là điều ước quốc tế hữu hiệu nhất về trọng tài thương mại.

Phạm vi điều chỉnh của Công ước New York trên thực tế bao phủ lên cả các công ước khác về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài như Công ước Châu Âu về trọng tài thương mại quốc tế (Công ước Geneva 1961) hay Công ước Châu Mỹ về trọng tài thương mại

quốc tế (Công ước Panama 1975), đơn giản là vì các thành viên của những công ước này đều đã gia nhập Công ước New York. Hơn nữa, tòa án các nước thành viên của các công ước này thường xuyên ưu tiên áp dụng các quy định của Công ước New York trong việc xét các yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Chính vì tầm tác động và mức độ lan tỏa lớn như vậy, nên Công ước New York khuyến khích các nước thành viên áp dụng chính các điều khoản nội tại nằm trong chính bản thân Công ước để giải quyết các yêu cầu công nhận và cho thi hành. Nếu một bên có thể công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài thông qua hình thức công nhận kép thì sẽ dẫn đến nhiều điểm vướng mắc như sau:

1) *Việc công nhận kép sẽ vô hiệu hóa Công ước New York*. Công nhận kép tức là công nhận và cho thi hành quyết định của tòa án nước ngoài, vì vậy không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước New York. Các nước thành viên tham gia vào Công ước này là nhằm sử dụng và phát huy sự hiệu quả của các điều khoản được minh định trong Công ước, chứ không phải nhằm vô hiệu chúng. Hơn nữa, Công ước New York tại Điều V nêu ra các căn cứ cơ bản nhất²⁶ để tòa án một quốc gia thành viên có thể viện dẫn nhằm mục đích không công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Cần thấy rằng, các căn cứ này được viện dẫn để không công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, chúng hoàn toàn không tương đồng với các căn cứ để tòa án của chính quốc gia này áp dụng nhằm từ chối công nhận và cho thi hành quyết định của tòa án nước ngoài. Vì lẽ đó, có thể dẫn đến trường hợp một phán quyết sẽ không được công nhận nếu căn cứ và Điều V của Công ước New York (hoặc các quy định của luật quốc gia nơi công nhận thông qua việc nội luật hóa Điều V này), nhưng lại hoàn toàn có thể được công nhận bằng con đường công nhận kép. Hiện tượng này được cộng đồng trọng tài quốc tế gọi là "forum shopping", một thuật ngữ vốn không mang nhiều nghĩa tích cực.

2) *Việc công nhận kép tạo ra sự phân biệt đối xử giữa các thành viên của Công ước New York*. Thử hình dung rằng phán quyết trọng tài do Tòa trọng tài ICC ban hành tại một nước thành viên A được bên được thi hành M mang đến tòa án X thuộc một nước thành viên B để cậy nhờ tòa án

²⁴ Điều I(d) Công ước Geneva 1927.

²⁵ Điều I(1) Công ước New York.

²⁶ Gọi là cơ bản nhất vì có nhiều trường hợp dù phán quyết của trọng tài nước ngoài không vi phạm bất cứ khoản nào của Điều V nhưng vẫn có thể không được công nhận, ví dụ như trường hợp hết thời hiệu như đã trình bày trong vụ *Seetransport v. Navimpex*, hoặc trường hợp yêu cầu sai thẩm quyền (forum non convenien).

này công nhận và cho thi hành. Tòa án X ra quyết định không công nhận phán quyết trọng tài vì vi phạm căn cứ tại Điều V(1)(c) Công ước New York. Bên cạnh đó, giữa nước thành viên A và nước thành viên B không có một hiệp định tương trợ tư pháp nào, vì vậy bên được thi hành sẽ gặp nhiều khó khăn nếu tiến hành yêu cầu công nhận thông qua con đường công nhận kép. Ngược lại, trong một phán quyết khác được Tòa trọng tài ICC ban hành tại một nước thành viên C, bên được thi hành N mang phán quyết này đến chính tòa án X của nước B để công nhận và cho thi hành. Tòa án X, tương tự, cũng không công nhận phán quyết trọng tài này vì nó vi phạm Điều V(1)(c). Trong tình huống này, bên được thi hành N có thể tiến hành việc công nhận kép thuận lợi hơn bên được thi hành M vì giữa C và B có hiệp định tương trợ tư pháp có đề cập đến vấn đề công nhận và cho thi hành lẫn nhau quyết định của tòa án. Qua ví dụ này, có thể rút ra kết luận rằng, nếu chấp nhận thuyết công nhận kép, thì đồng thời cũng thừa nhận sự bất bình đẳng giữa các thành viên Công ước New York với nhau. Dữ liệu được vấn đề này, Quy tắc Châu Âu về thẩm quyền và vấn đề công nhận và cho thi hành các bản án liên quan đến dân sự và thương mại (Quy tắc Brussel I) không điều chỉnh các bản án²⁷ liên quan đến trọng tài²⁸. Điều này có nghĩa rằng, nếu một quyết định của Tòa thượng thẩm Paris về việc công nhận và cho thi hành phán quyết của Tòa trọng tài ICC được ban hành ở Paris thì quyết định này không thể được xem xét công nhận và cho thi hành tại Tòa thượng thẩm khu vực Berlin (Kammergericht). Bên được thi hành theo phán quyết trọng tài của Tòa trọng tài ICC chỉ có một tổ quyền duy nhất là nộp đơn trực tiếp cho Tòa thượng thẩm khu vực Berlin để yêu cầu công nhận và cho thi hành theo Công ước New York²⁹.

Khi tu chỉnh lại Quy tắc Brussels I, cũng có nhiều ý kiến đề nghị bỏ Điều 1(2)(d). Điều này đồng nghĩa với việc thừa nhận học thuyết công nhận kép tại các nước thành viên của Quy tắc, nhưng cuối cùng khi Quy tắc Brussels I sửa đổi (Quy tắc Brussels I Recast) được thông qua, tinh thần của Điều 1(2)(d) vẫn không đổi. Theo tìm hiểu của chúng tôi, hệ quả này có thể chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ từ một quyết định của Tòa Tư pháp liên bang của Đức (Bundesgerichtshof) năm

2009. Quyết định này có thể nói là vô cùng quan trọng vì nó đã chấm dứt hoàn toàn sự tồn tại hơn 25 năm của học thuyết công nhận kép tại Đức³⁰.

4 KẾT LUẬN

Vụ Seetransport v. Navimpex phá vỡ một cách đậm nét truyền thống pháp luật Hoa Kỳ, thể hiện rõ ràng ở khả năng công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài dù đã hết thời hiệu thông qua hình thức công nhận kép, đồng thời chấp thuận thuyết "không hủy tức là công nhận" đối với quyết định của Tòa thượng thẩm Paris. Công nhận kép mang lại cho bên được thi hành thêm một tổ quyền nhưng cũng gây ra nhiều vấn đề bất cập, cụ thể là nó nhiều khả năng sẽ vô hiệu hóa các điều khoản của Công ước New York và tạo nên sự phân biệt đối xử giữa các thành viên của Công ước này. Về mặt thực tiễn, vấn đề công nhận kép chỉ phù hợp với Hoa Kỳ, vì nó được pháp luật nước này thừa nhận và áp dụng rộng rãi. Còn đối với các nước khác, mà điển hình là Đức, dù đã từng theo thuyết này trong quá khứ, thì hiện nay việc công nhận kép phán quyết của trọng tài nước ngoài không còn được chấp nhận nữa.

²⁷ Thuật ngữ "bản án" (judgment) có nội hàm không chỉ là các phán quyết của tòa án, mà còn bao gồm cả các quyết định, lệnh tòa và các hình thức khác do tòa án ban hành, xem Điều 2 Quy tắc Brussels I.

²⁸ Điều 1(2)(d) Quy tắc Brussels I.

²⁹ Điều 1061 BLTTDS Đức (ZPO) quy định ngắn gọn rằng: "Việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài theo quy định của Công ước New York".

³⁰ Năm 1984, Tòa Tư pháp liên bang đã chấp nhận quan điểm của các tòa sơ thẩm và thượng thẩm về việc công nhận kép một quyết định của Tòa án tối cao New York. Thế nhưng năm 2009, cũng chính Tòa tư pháp liên bang đã hủy quyết định sơ thẩm của Tòa thượng thẩm Berlin và quyết định phúc thẩm của Tòa thượng thẩm khu vực Berlin về việc công nhận kép một quyết định của Tòa án tối cao California, xem: Lê Nguyễn Gia Thiện, *Vấn đề công nhận kép phán quyết của trọng tài thương mại nước ngoài - nhìn từ thực tiễn tại Đức*, tldđ, tr. 63, 64.

Recognition and Enforcement of a Foreign Arbitral Award exceeding limitation time: The Case of Seetransport Wiking versus Navimpex Centrala

Abstract—In most cases, an arbitral award rendered by a competent arbitration tribunal will be

exequatur". In the nature of the "double exequatur", the creditor will first request the court residing at the arbitral locality to recognize the

Le Nguyen Gia Thien

voluntarily performed by the parties to the dispute. Notwithstanding, if the debtor fails to fulfil his obligations mentioned in the award, the creditor has a right of action to bring this certain award before a foreign court in order to file a petition for the recognition and enforcement. The foreign court, after examining the award and attached evidences, can recognize and enforce the mentioned award provided that it does not exceed the limitation time described in the current applicable law of the enforcing country. Nonetheless, pursuant to United States' laws, the creditor has an additional right of action, namely the right to petition for a "double

effectiveness of the arbitral award. He will then bring the decision of this court before a respective court of another country in order to seek an exequatur. The case of See transport versus Navimpex, admired as a distinguished feature of the "double exequatur", has been the eminent and typical example of the United States' jurisdiction in this field..

Keywords—Foreign arbitral award, recognition and enforcement, double exequatur, limitation time, New York Convention.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Albert Jan van den Berg, *Arbitration – The next fifty years*, NXB. Wolters Kluwer Law and Business, tr. 72, 2011.
- [2]. Blackaby/Partasides/ Redfern/Hunter, *Redfern and Hunter on International Arbitration*, Nxb. Oxford University Press, tr. 569 – 604, 2015.
- [3]. Jeff Waincimer, *Arbitration*, Nxb. Kluwer Law International, tr.1263 – 1348, 2012.
- [4]. Đạo luật về thời hiệu 1980 của Anh, Đạo luật về thời hiệu 1963 của Ấn Độ.
- [5]. Điều 127 Phần 5 Bộ dân luật Thụy Sĩ, Điều 2224 Bộ dân luật Pháp.
- [6]. Điều 207 FAA, như đã phân tích trong các quyết định của Tòa sơ thẩm liên bang và Tòa thượng thẩm liên bang.
- [7]. Điều 239 Luật tố tụng dân sự 2012 của Trung Quốc và Điều 451 BLTTDS 2015 của Việt Nam.
- [8]. Lê Nguyễn Gia Thiện, *Vấn đề công nhận kép phán quyết của trọng tài thương mại nước ngoài - nhìn từ thực tiễn tại Đức*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 10, tr. 60, Tháng 5/2015.
- [9]. Seetransport Wiking v. Navimpex Centrala, 793 F.Supp. 444 (S.D.N.Y 1992).
- [10]. United States Court of Appeals, Second Circuit, 989 F.2d 572 (2d Cir. 1993).